

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày 17/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn D

2. Ông Lưu T

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân K - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 69/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Ngũ Văn L - Giới tính: Nam - Tên gọi khác: không; sinh năm 1986 tại tỉnh N; nơi cư trú: Thôn C, xã IB, huyện IG, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Ngũ Văn M, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962. Hiện cha, mẹ bị cáo trú tại: xã Đ, huyện T, tỉnh N; gia đình bị cáo có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1991, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo có vợ là chị Đặng Thị V, sinh năm 1984 và có 02 người con sinh năm 2008 và 2014. Vợ con bị cáo hiện đang sinh sống tại thôn C, xã IB, huyện IG, tỉnh G;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 04/8/2010, bị Toà án nhân dân huyện IG, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 28/2010/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Gia Trung thuộc huyện M, tỉnh G; đến ngày 20/02/2011, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2022, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

Ông **Đình Th**, sinh năm: 1986; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh **R**, sinh năm: 1992; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Anh **Kh**, sinh năm: 2009; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Kh: Ông **Đinh Th**, sinh năm: 1986; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

3/ Chị **Đặng Thị V**, sinh năm: 1984; Thôn C, xã IB, huyện IG, tỉnh G. Có mặt.

Người phiên dịch: Ông **A**. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Đầu tháng 7 năm 2022, Ngũ Văn L điều khiển xe ô tô biển số 81C – 151.63 về thăm quê tại tỉnh N. Ngày 30/7/2022, L điều khiển xe ô tô 81C – 151.63 từ N vào đến G nhưng không về nhà mà đi đến nhà của bạn tên là Đào Quang S (sinh năm 1992) tại thôn Đoàn Kết, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông, tỉnh G để gửi xe ô tô và mượn S chiếc xe mô tô biển số 81 B3 – 129.70 để sử dụng. L điều khiển xe mô tô 81 B3 – 129.70 đi đến khách sạn HV trên đường Phạm Văn Đồng thuộc phường Y, thành phố P để thuê phòng ở. Ngũ Văn L khai nhận vào tối ngày 30/7/2022, L đã một mình sử dụng ma túy tại khách sạn HV và số ma túy này do L mua trước đó của một người đàn ông không rõ lai lịch tại tỉnh N. Đến khoảng 14 giờ ngày 31/7/2022, Ngũ Văn L điều khiển xe mô tô 81 B3 – 129.70 đi vào xã B, thành phố P nhằm mục đích đi đường tắt qua địa phận huyện Đ để xuống thị trấn KD, huyện M, tỉnh G để tìm nhà của một người bạn. Khi đi đến địa phận Thôn 76, xã H, huyện Đ thì xe mô tô 81 B3 – 129.70 hết xăng nên bị cáo dắt xe vào cát giấu tại một rẫy cà phê tại đây rồi đi bộ để tìm mua xăng. Do không biết đường đi, không thuộc địa bàn và theo bị cáo khai đang bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng ma túy trước đó nên bị cáo đi bộ qua rất nhiều nương rẫy của người dân nhưng vẫn không tìm được đường ra. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Ngũ Văn L đi đến gần giọt nước của thôn K, xã H, huyện Đ thì phát hiện có 02 chiếc xe mô tô dựng tại lề đường đất nhưng không có người trông coi, trong đó có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yoshida, kiểu dáng Ware, biển số 81B2 – 199.27 của gia đình anh Đinh Th (sinh năm 1986) và chị R (sinh năm 1992) trú tại thôn K, xã H, huyện Đ. Chiếc xe này do con của anh Th tên là Kh (sinh năm 2009) sử dụng làm phương tiện đi lấy nước và dựng tại đây. L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe biển số 81B2 – 199.27 nên đã đi đến tháo dây điện phía dưới ổ khoá nguồn rồi đầu nối và đập nổ máy xe. L điều khiển chiếc xe 81B2 – 199.27 đi theo đường mòn giữa những lô cao su rồi dừng lại tháo biển số xe vớt vào bụi cây và tiếp tục điều khiển xe đi. Trong khi đó, Kh từ giọt nước đi lên và phát hiện chiếc xe mô tô 81B2 – 199.27 đã bị trộm cắp nên Kh đã về báo lại với anh Đinh Th. Anh Th đã cùng với H (sinh năm 2007, trú tại thôn K, xã H, huyện Đ) đi tìm thì phát hiện Ngũ Văn L đang điều khiển chiếc xe 81B2 – 199.27 nhưng không còn biển số. Anh Th đã tri hô rồi cùng H và một số người dân bắt giữ Ngũ Văn L. Trong lúc giằng co, Ngũ Văn L đã bị anh Th cùng một số người dân đánh rồi đưa về thôn K, xã H

và giao cho lực lượng Công an huyện Đ để giải quyết. Ngõ Văn L đã được đưa đến Bệnh viện để chăm sóc, điều trị thương tích do bị người dân đánh vào sau đó bị tạm giữ để xử lý theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá số 55/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yoshida, biển số 81B2 – 199.27 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 2.300.000 đồng

2. Về vật chứng:

Khi bắt giữ Ngõ Văn L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tạm giữ của bị cáo 01 chiếc ví da nam màu đen và số tiền 2.206.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yoshida, biển số 81B2 – 199.27 cho đại diện người bị hại là chị R.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81 B3 – 129.70 mà Ngõ Văn L cất giấu trong rẫy cà phê thuộc Thôn 76, xã H, huyện Đ đã được chị Đặng Thị V (sinh năm 1984) là vợ của bị cáo đi tìm và mang về trao trả lại cho anh Đào Quang S.

Đối với chiếc biển số 81B2 – 199.27 do bị cáo L tháo ra ném vào bụi cây thuộc thôn K, xã H, huyện Đ đã được chị R tìm thấy và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để xử lý.

Đối với việc Ngõ Văn L sau khi trộm cắp xe mô tô đã bị anh Đinh Th cùng người dân đánh trong khi đuổi bắt. Tuy nhiên, do vết thương ở phần mềm, không để lại thương tích nên Ngõ Văn L đã từ chối giám định thương tích; không yêu cầu xử lý đối với những người đã đánh mình và không yêu cầu bồi thường.

3. Về Dân sự:

Quá trình điều tra, vợ của bị cáo là chị Đặng Thị V đã đứng ra thỏa thuận và bồi thường cho vợ chồng anh Th, chị R số tiền 400.000 đồng để sửa xe. Hiện người bị hại là vợ chồng anh Th, chị R không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 25/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Ngõ Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 04 tháng tù đến 06 tháng tù; Về vật chứng: Đối với 01 ví da màu đen (đã cũ) và số tiền 2.206.000 đồng thu giữ của bị cáo, không có liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo; Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo tác động vợ của bị cáo là chị Đặng Thị V thỏa thuận và bồi thường cho vợ chồng anh Th, chị R số tiền 400.000 đồng để sửa xe. Hiện người bị hại là vợ chồng anh Th, chị R không có yêu cầu gì về việc bồi thường nên không đề nghị giải quyết gì khác; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 31/7/2022, tại thôn K, xã H, huyện Đ, Ngũ Văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yoshida, biển số 81B2 – 199.27 trị giá 2.300.000 đồng của gia đình anh Đinh Th và chị R. Trong quá trình Ngũ Văn L điều khiển xe mô tô bỏ trốn thì bị anh Th cùng người dân truy tìm và bắt giữ.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và người bị hại đã có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 ví da màu đen (đã cũ) và số tiền 2.206.000 đồng thu giữ của bị cáo, không có liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo tác động vợ của bị cáo là chị Đặng Thị V thoả thuận và bồi thường cho vợ chồng anh Th, chị R số tiền 400.000 đồng để sửa xe. Hiện người bị hại là vợ chồng anh Th, chị R không có yêu cầu gì về việc bồi thường

nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra, Ngũ Văn L khai nhận trước đó đã mua ma túy tại tỉnh N, sau đó mang đến thuê phòng nghỉ tại khách sạn HV thuộc phường Y, thành phố P để sử dụng và đã sử dụng hết. Những hành vi này xảy ra ngoài địa bàn huyện Đ và chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo, ngoài ra không có căn cứ nào khác để đánh giá tính xác thực của lời khai về những hành vi này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Ngũ Văn L** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngũ Văn L 04 (Bốn) tháng 16 (mười sáu) ngày tù (Bằng với thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam).

Trả tự do cho bị cáo Ngũ Văn L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Ngũ Văn L 01 ví da màu đen (đã cũ) và số tiền 2.206.000 đồng (*Hai triệu hai trăm lẻ sáu ngàn đồng*).

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G; Ủy nhiệm chi lập ngày 27/10/2022 theo số tài khoản 3949.0.1048144.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngũ Văn L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2022), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H